

Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS: HOSE)

Ngày báo cáo: 01/08/2023
NGÀNH: HÀNG KHÔNG
TP PTCP: Nguyễn Hoàng Giang, CFA
Email: giangnh@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8703

KQKD Q2/2023

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1 năm: **74.800 Đồng**
Giá CP ngày 01/08/2023: 73.500 Đồng
% Tăng giá: **+1,8%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 293,7
Giá trị vốn hoá (tỷ VND): 6.956
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 94,4
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 50.844
Giá Cao/Thấp nhất 52w (k VND): 86,8/58,5
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 3,49
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 28,53
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 7,38

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

SCS là một trong 2 công ty xếp dỡ hàng hóa hàng không tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (sân bay đông khách nhất Việt Nam, với hơn 30 triệu lượt hành khách mỗi năm). Công ty thành lập vào năm 2008 dưới hình thức công ty tư nhân gồm 6 cổ đông sáng lập: Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), Công ty sửa chữa máy bay A41 (A41), CTCP Gemadept (GMD), Công ty TNHH Đầu Tư Nam Phú Quốc Tế, CTCP Đầu tư Á Châu, CTCP Sóng Việt. Đối thủ cạnh tranh duy nhất là CTCP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS), thành lập bởi Vietnam Airlines, SATS và SASCO.

Phù hợp với kỳ vọng

Trong Q2/2023, SCS đạt 172 tỷ đồng doanh thu (-17,4% svck) và LNTT đạt 147 tỷ đồng (-10% svck), tiếp nối xu hướng giảm kể từ Q4/2022 và phù hợp với ước tính của chúng tôi. Tuy nhiên, so sánh với quý trước thì kết quả có phần khả quan hơn với sự phục hồi rõ ràng ở tất cả các chỉ tiêu tài chính cụ thể: doanh thu tăng 6,4% so với quý trước và LNTT tăng 14% so với quý trước.

Theo đó, doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 đạt 334 tỷ đồng (-26,5% svck) và LNTT đạt 277 tỷ đồng (-24% svck), sát với ước tính hiện tại của chúng tôi cho năm 2023.

Chúng tôi điều chỉnh tăng ước tính thông qua điều chỉnh tăng giá định tăng trưởng quốc tế năm 2023 từ giảm 25% svck lên giảm 20% svck. LNST tổng thể dự kiến chỉ giảm 19% trong năm 2023 (so với giảm 25% svck theo ước tính trước đó) trước khi tăng trở lại 16% svck trong năm 2024, cùng với sự tăng trưởng về sản lượng. Điều này có nghĩa là tăng trưởng lợi nhuận nửa cuối năm ước tính giảm 13% svck.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu SCS với giá mục tiêu 1 năm điều chỉnh là 74.800 đồng/cổ phiếu (tiềm năng tăng giá khoảng 1,8%) dựa trên pp định giá DCF.

Yếu tố hỗ trợ ngắn hạn: Cổ tức tiền mặt tỷ lệ 35%/mệnh giá.

Quan điểm dài hạn 3 năm: SCS có vị thế thuận lợi để nắm bắt tốc độ tăng trưởng hàng hóa hàng không tại khu vực miền Nam với tốc độ tăng trưởng ước tính 10%/năm nhờ tăng trưởng tiêu thụ hàng hóa không thiết yếu từ nhóm khách hàng có thu nhập trung bình đang tăng dần lên cũng như tăng trưởng xuất khẩu sau xu thế dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	693	839	851	678	795
<i>Tăng trưởng DTT</i>	-7,4%	21,1%	1,4%	-20,3%	17,2%
Lợi nhuận gộp	538	652	698	574	670
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	77,6%	77,7%	82,0%	84,6%	84,3%
Thu nhập tài chính	29	35	59	64	62
Chi phí tài chính	-1	-1	-1	-1	-1
SG&A	-65	-78	-57	-74	-75
Lợi nhuận ròng khác	-2	-2	-3	0	0
LNTT	499	605	697	564	657
Lợi nhuận ròng	464	564	646	507	591
<i>Tăng trưởng LN ròng</i>	-7,5%	21,4%	14,6%	-21,5%	16,5%
<i>Biên LN ròng</i>	67,0%	67,2%	75,9%	74,8%	74,3%
EPS (VND)	9.152	11.106	6.883	5.134	5.980

Nguồn: SSI Research

Gần đây, SCS đã công bố báo cáo KQKD Q2/2023 và dưới đây là một số điểm chính từ báo cáo KQKD.

KQKD Q2/2023

Tỷ đồng	2023	2022	YoY	1Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Tỷ suất lợi nhuận gộp			
							2Q23	2Q22	1Q23	2Q22
Doanh thu thuần	172	209	-17,4%	162	6,4%	43%				
Lợi nhuận gộp	134	167	-19,3%	123	9,6%		78,0%	79,8%	75,7%	82,0%
Lợi nhuận hoạt động	123	151	-18,9%	110	11,3%		71,2%	72,4%	68,1%	75,3%
EBIT	147	165	-10,5%	129	13,9%		85,5%	78,9%	79,8%	81,9%
EBITDA	158	175	-9,8%	97	64,0%		91,9%	84,0%	59,6%	87,0%
Lợi nhuận trước thuế	147	165	-10,5%	129	13,9%	49%	85,5%	78,9%	79,8%	81,9%
Lợi nhuận ròng	129	153	-15,6%	113	14,1%		74,9%	73,3%	69,9%	75,9%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	129	153	-15,6%	113	14,1%		74,9%	73,3%	69,9%	75,9%

Nguồn: SSI Research

Trong Q2/2023, SCS đạt 172 tỷ đồng doanh thu (-17,4% svck) và LNTT đạt 147 tỷ đồng (-10% svck), tiếp nối xu hướng giảm kể từ Q4/2022 và phù hợp với ước tính của chúng tôi. Tuy nhiên, so sánh với quý trước thì kết quả có phần khả quan hơn với sự phục hồi rõ ràng ở tất cả các chỉ tiêu tài chính cụ thể: doanh thu tăng 6,4% so với quý trước và LNTT tăng 14% so với quý trước. Theo đó, công ty đã hoàn thành 43% kế hoạch doanh thu và 49% kế hoạch LNTT cả năm 2023 đặt ra tại ĐHCĐ.

Sản lượng quốc tế (tấn)	2023	2022	%YoY
Q1	30.683	55.737	-45%
Q2	32.875	43.973	-25%
Nửa đầu năm	63.558	99.710	-36%
Sản lượng trong nước (tấn)			
Q1	12.838	10.867	18%
Q2	13.874	11.462	21%
Nửa đầu năm	26.712	22.329	20%

Nguồn: SCS

Về khối lượng, mặc dù Q2/2023 cũng cho thấy mức giảm có phần thu hẹp hơn so với Q1/2023, nhưng hàng hóa quốc tế vẫn giảm 25% svck (kết quả này phù hợp với ước tính của chúng tôi (sản lượng hàng hóa quốc tế dự kiến giảm 25% svck trong năm nay) vì việc xả hàng tồn kho vẫn đang diễn ra. Ngoài ra, tiêu thụ trong nước đối với hàng hóa nhập khẩu cũng giảm do nền kinh tế trong nước chững lại và lãi suất tăng cao hơn, điều này sẽ ảnh hưởng đến các sản phẩm không thiết yếu có giá trị cao thường được vận chuyển bằng đường hàng không (như thời trang đắt tiền, trái cây, đồ điện tử...). Ngược lại, hàng hóa nội địa phục hồi tốt trong Q2/2023 và tăng 21% svck, nhờ các chuyến bay nội địa hồi phục so với cùng kỳ giúp năng lực vận chuyển hàng không nội địa tăng lên (do hàng hóa nội địa hoàn toàn dựa vào máy bay chở khách để vận chuyển, trong khi 50% hàng hóa quốc tế được vận chuyển bằng máy bay chở hàng). Do hàng hóa quốc tế mang lại tỷ suất lợi nhuận cao hơn, nên tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 1,8 điểm cơ bản so với cùng kỳ, khi tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 79,8%.

Theo đó, doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 đạt 334 tỷ đồng (-26,5% svck) và LNTT đạt 277 tỷ đồng (-24% svck), và sát với ước tính hiện tại của chúng tôi cho năm 2023 (chúng tôi hiện ước tính doanh thu đạt 643 tỷ đồng và LNTT đạt 535 tỷ đồng).

Triển vọng

Chúng tôi nhận thấy nhu cầu bên ngoài cải thiện nhẹ trong Q2/2023 so với Q1 đối với SCS, từ đó kỳ vọng về sự phục hồi tốt hơn vào nửa cuối năm. Điều này phù hợp với giả định hiện tại của chúng tôi về việc lượng hàng tồn kho tiếp tục giảm cho đến Q4/2023, và các đơn đặt hàng sản xuất phục hồi. Do đó, chúng tôi điều chỉnh tăng ước tính thông qua điều chỉnh giả định tăng trưởng quốc tế năm 2023 từ giảm 25% svck lên giảm 20% svck. LNST tổng thể dự kiến chỉ giảm 19% trong năm 2023 (so với giảm 25% svck theo ước tính trước đó) trước khi tăng trở lại 16% svck trong năm 2024, cùng với sự tăng trưởng về sản lượng. Điều này có nghĩa là tăng trưởng lợi nhuận nửa cuối năm ước tính giảm 13% svck.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu SCS với giá mục tiêu 1 năm điều chỉnh là 74.800 đồng/cổ phiếu (tiềm năng tăng giá khoảng 1,8%) dựa trên pp định giá DCF, trong trường hợp cơ sở giả định là hàng hóa quốc tế sẽ phục hồi 20% svck vào năm tới. Con đường phục hồi thực tế có thể thay đổi nhanh chóng theo cả hướng tăng và giảm tùy thuộc vào tình hình kinh tế toàn cầu, vì vậy chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi và điều chỉnh các ước tính khi cần thiết.

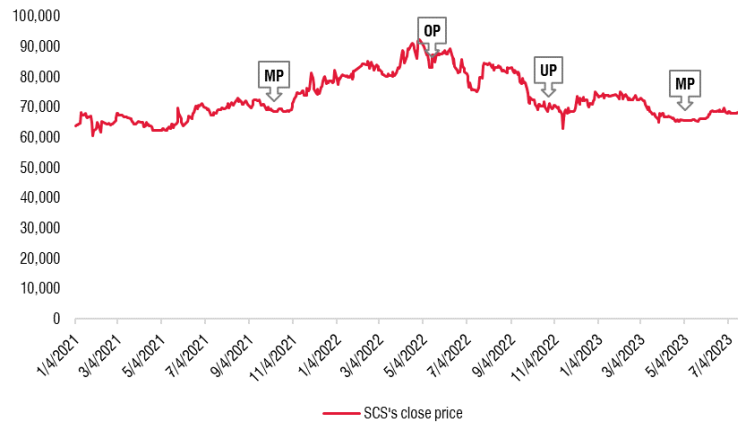
Các ước tính cụ thể như sau:

Tỷ đồng	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	496	588	675	748	693	839	851	678	795
<i>Tăng trưởng DTT</i>	<i>45,4%</i>	<i>18,6%</i>	<i>14,8%</i>	<i>10,8%</i>	<i>-7,4%</i>	<i>21,1%</i>	<i>1,4%</i>	<i>-20,3%</i>	<i>17,2%</i>
Lợi nhuận gộp	359	453	528	595	538	652	698	574	670
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>72,4%</i>	<i>77,0%</i>	<i>78,2%</i>	<i>79,5%</i>	<i>77,6%</i>	<i>77,7%</i>	<i>82,0%</i>	<i>84,6%</i>	<i>84,3%</i>
Thu nhập tài chính	2	5	8	14	29	35	59	64	62
Chi phí tài chính	-13	-5	0	-1	-1	-1	-1	-1	-1
SG&A	-70	-66	-67	-68	-65	-78	-57	-74	-75
Lợi nhuận ròng khác	-2	-3	-2	-2	-2	-2	-3	0	0
LNTT	275	384	467	538	499	605	697	564	657
Lợi nhuận ròng	245	344	437	502	464	564	646	507	591
<i>Tăng trưởng LN ròng</i>	<i>81,3%</i>	<i>40,5%</i>	<i>26,9%</i>	<i>14,9%</i>	<i>-7,5%</i>	<i>21,4%</i>	<i>14,6%</i>	<i>-21,5%</i>	<i>16,5%</i>
<i>Biên LN ròng</i>	<i>49,4%</i>	<i>58,6%</i>	<i>64,7%</i>	<i>67,1%</i>	<i>67,0%</i>	<i>67,2%</i>	<i>75,9%</i>	<i>74,8%</i>	<i>74,3%</i>
EPS (VND)	5.309	6.891	8.745	9.971	9.152	11.106	6.883	5.134	5.980

Nguồn: SSI Research

Yếu tố tác động ngắn hạn lên giá cổ phiếu là cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 35%/mệnh giá. Đối với tầm nhìn dài hạn 3 năm, SCS có vị thế thuận lợi để nắm bắt tốc độ tăng trưởng hàng hóa hàng không tại khu vực miền Nam với tốc độ tăng trưởng ước tính 10%/năm nhờ tăng trưởng tiêu thụ hàng hóa không thiết yếu từ nhóm khách hàng có thu nhập trung bình đang tăng dần lên cũng như tăng trưởng xuất khẩu sau xu thế dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	58	51	30	221
+ Đầu tư ngắn hạn	480	860	860	860
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	312	85	252	296
+ Hàng tồn kho	0	0	0	0
+ Tài sản ngắn hạn khác	1	4	1	1
Tổng tài sản ngắn hạn	851	1.000	1.143	1.378
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	412	391	361	330
+ Bất động sản đầu tư	85	79	72	65
+ Tài sản dài hạn dở dang	2	21	21	21
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	65	64	37	44
Tổng tài sản dài hạn	564	555	490	459
Tổng tài sản	1.416	1.556	1.632	1.837
+ Nợ ngắn hạn	164	118	91	110
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
+ Nợ dài hạn	2	4	1	1
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tổng nợ phải trả	166	122	92	111
+ Vốn góp	579	1.011	1.011	1.011
+ Thặng dư vốn cổ phần	43	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	618	423	519	693
+ Quỹ khác	9	0	10	22
Vốn chủ sở hữu	1.249	1.434	1.540	1.726
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	1.416	1.556	1.632	1.837
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	591	586	364	577
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-298	-153	-10	-10
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-271	-439	-376	-376
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	22	-6	-22	191
Tiền đầu kỳ	36	58	51	30
Tiền cuối kỳ	58	51	30	221
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	5,18	8,51	12,51	12,56
Hệ số thanh toán nhanh	5,17	8,48	12,51	12,56
Hệ số thanh toán tiền mặt	3,27	7,75	9,74	9,86
Nợ ròng / EBITDA	-0,07	-0,07	-0,07	-0,18
Khả năng thanh toán lãi vay	n.a.	n.a.	n.a.	n.a.
Ngày phải thu	33	33,3	37,1	36,4
Ngày phải trả	12,2	13,2	13,5	13,4
Ngày tồn kho	0,0	0,0	0,0	0,0
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,88	0,92	0,94	0,94
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,12	0,08	0,06	0,06
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,09	0,06	0,06
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,0	0,0	0,0	0,0
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: SCS, SSI ước tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	839	851	678	795
Giá vốn hàng bán	-187	-153	-104	-125
Lợi nhuận gộp	652	698	574	670
Doanh thu hoạt động tài chính	35	59	64	62
Chi phí tài chính	-1	-1	-1	-1
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-78	-57	-74	-75
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	607	699	564	657
Thu nhập khác	-2	-3	0	0
Lợi nhuận trước thuế	605	697	564	657
Lợi nhuận ròng	564	646	507	591
Lợi nhuận chia cho cổ đông	564	646	507	591
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	11.106	6.883	5.134	5.980
Giá trị sổ sách (VND)	24.619	15.271	16.405	18.386
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	8.000	5.500	4.000	4.000
EBIT	605	697	564	657
EBITDA	660	740	612	704
Tăng trưởng				
Doanh thu	21,1%	1,4%	-20,3%	17,2%
EBITDA	19,3%	12,2%	-17,4%	15,2%
EBIT	21,2%	15,1%	-19,1%	16,5%
Lợi nhuận ròng	21,4%	14,6%	-21,5%	16,5%
Vốn chủ sở hữu	23,0%	14,8%	7,4%	12,1%
Vốn điều lệ	0,0%	85,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	29,4%	9,9%	4,9%	12,5%
Định giá				
PE	14,4	10,9	13,8	11,9
PB	6,5	4,9	4,3	3,9
Giá/Doanh thu	9,7	6,4	9,8	8,4
Tỷ suất cổ tức	5,0%	7,3%	5,6%	5,6%
EV/EBITDA	11,5	8,3	10,8	9,4
EV/Doanh thu	9,0	7,2	9,7	8,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	77,7%	82,0%	84,6%	84,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	68,2%	75,3%	73,7%	74,8%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	67,2%	75,9%	74,8%	74,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	9,3%	6,7%	10,9%	9,5%
ROE	49,8%	48,2%	34,1%	36,2%
ROA	44,9%	43,5%	31,8%	34,1%
ROIC	49,8%	48,2%	34,1%	36,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Hàng không

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043